TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 32/2021/HSST
Ngày 29.4.2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Hồng Quang

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Đức T - sinh ngày 27 tháng 11 năm 1998 tại Q; Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã Đ, h3ện Đ1, tỉnh Q; nghề ngh1: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức B (*Sinh năm 1970*) và bà Nguyễn Thị R (*Sinh năm 1974*); tiền sự, tiền án: Chưa; nhân thân: Ngày 15 tháng 9 năm 2020, bị Tòa án nhân dân quận L ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 (*Một*) năm; bị bắt, tạm giam ngày 14 tháng 10 năm 2020, (*Có mặt*).

* Bị hại:

Chị Lương Thị Cẩm T1- sinh năm 2001; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Đại T, h3ện Đ1, tỉnh Q; nơi cư trú: K129/76 P1, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, *(Có mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Anh Vương H1 - sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 02, phường H2, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

2. Anh Phạm Thanh P2 - sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 14, phường H2, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

3. Anh Hoàng Văn T1- sinh ngày 28 tháng 11 năm 2003; nơi cư trú: 44 N, phường H2, quận L, TP Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

4. Ông Hoàng Văn T2 - sinh năm 1976; nơi cư trú: 44 N, phường H2, quận L, TP Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

5. Anh Trần Đức H3 - sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn X, xã T3, huyện P3, tỉnh Q; (*Có mặt*)

6. Chị Lê Nguyễn Hồng N1 - Sinh năm 2002; nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã T3, huyện P3, tỉnh Q; nơi cư trú: 315 N2, phường T4, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, (*Vắng mặt, không có lý do*).

7. Chị Nguyễn Thị H4- Sinh năm 1991; nơi ĐKNKTT: Khu phố 3, phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: 229 N3, phường H2, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

8. Chị Nguyễn Thị Khánh L - Sinh năm 1984; nơi cư trú: 130 N3, phường H2, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do).*

9. Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1996; nơi cư trú: 62 N3, phường H2, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

* Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Hoàng Văn T2 - sinh năm 1976; nơi cư trú: 44 N, phường H2, quận L, TP Đà Nẵng, (*Là cha của anh Hoàng Văn T1*), (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, tại khu vực quận L, TP. Đà Nẵng, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Lê Đức T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bạn là chị Lương Thị Cẩm T1 bằng cách nhiều lần mượn tài sản của chị T1 sau đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Cụ thể:

Ngày 04 tháng 5 tháng 2020, Lê Đức T mượn chị T1 xe môtô hiệu Honda SH Mode BKS 92E1- 530.18 rồi đem đến tiệm cầm đồ Thiên Trường H1 tại 727 Tôn Đức T, phường H, quận L, do ông Vương H1 làm chủ, cầm cố với số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi cho mượn xe, đến tối không thấy T trả thì chị T1 gọi hỏi. T nói với chị T1là đã đem đi cầm và hứa sẽ chuộc lại nhưng thực tế T không có khả năng chuộc lại. Sau đó, T tiếp tục mượn tài sản của chị T1 đem đi cầm cố lấy tiền bằng cách nói với chị T1cho T mượn 01 máy tính xách tay hiệu HP màu hồng để trả tiền lãi cầm cố xe nếu không chủ tiệm cầm đồ sẽ thanh lý. Sợ bị mất xe nên chị T1đồng ý cho T mượn. Sau khi mượn được tài sản, T đem tài sản đến tiệm cầm đồ Văn Tiến tại 62 N3, phường H2, quận L do anh Nguyễn Văn Tiến làm chủ (*Anh Nguyễn Văn C quản lý*), cầm cố với số tiền 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*) và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi hết thời hạn cầm cố, không thấy T quay lại chuộc nên tiệm cầm đồ Văn Tiến đã thanh lý máy tính xách tay cho một người không rõ lai lịch. Tài sản không thu hồi được.

Cũng với thủ đoạn nói dối chị T1 cần tiền trả tiền lãi cho xe mô tô hiệu Honda SH Mode BKS 92E1- 530.18, trong ngày 18 tháng 5 năm 2020 và ngày 11 tháng 6 năm 2020 Lê Đức T tiếp tục mượn của chị T101 dây ch3ền bằng vàng (*Có mặt đính đá*) rồi đem đến tiệm cầm đồ Sáu Ly II tại 229 N3, quận L, cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và 01 lắc tay vàng rồi đem đến tiệm cầm đồ Sáu Ly tại 130 N3, quận L cầm cố với số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Sau đó, T chuộc số vàng này ra và đem đến một tiệm vàng chưa xác định địa chỉ bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tài sản không thu hồi được. Ngày 28 tháng 6 năm 2020, T tiếp tục mượn của chị 01 điện thoại di động hiệu Apple- Iphone 6S Plus nói là để về quê lấy tiền chuộc lại tài sản trả cho chị Tú, nhưng sau đó T đã mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ Thiên Trường H1.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2020, chị T1 trình báo sự việc tại cơ quan Công an. Ngày 10 tháng 7 năm 2020, gia đình của T đã chuộc lại xe môtô hiệu Honda SH Mode BKS 92E1- 530.18 và điện thoại Iphone để T đem trả cho chị Tú, tuy nhiên T chỉ trả cho chị T1 điện thoại, còn xe thì tiếp tục mượn lại và đem đến tiệm cầm đồ Gold tại 218 N3, quận L, do anh Phạm Thanh P2 làm chủ, cầm cố với số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Sau đó, do T muốn lấy thêm 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) trong xe đã cầm cố cho anh P2 nên đã dùng thủ đoạn nhờ người giả danh chị T1 để điện thoại cho anh P2. Ngày 22 tháng 7 năm 2020, T nhờ bạn học cùng trường tên là Trần Đức H3 tìm giúp nên H3 nhờ chị Lê Nguyễn Hồng N1 điện thoại cho anh P2 tự nhận là T1 xin cầm thêm 8.000.000 đồng trong xe T đã cầm trước đó thì anh P2 đồng ý và giao tiền cho T. Số tiền có được từ việc cầm cố xe, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND quận L thì: Giá trị sử dụng còn lại của 01 xe môtô đã sử dụng nhãn hiệu Honda SH mode, BKS 92E1-530.18 là 56.000.000 đồng; giá trị sử dụng còn lại của 01 máy tính xách tay đã sử dụng màu hồng, nhãn hiệu HP Core i5 là 7.685.000 đồng; giá trị của 01 sợi dây ch3ền vàng nữ trang có trọng lượng 2,53 chỉ, 01 mặt dây ch3ền bằng vàng nữ trang có trọng lượng 0,5 chỉ và 01 lắc đeo tay bằng vàng nữ trang trọng lượng 1,93 chỉ là

14.551.000 đồng; giá trị sử dụng còn lại của 01 điện thoại di động đã sử dụng có nhãn hiệu Apple-Iphone 6S Plus là 2.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị Lê Đức T lừa đảo chiếm đoạt của chị Lương Thị Cẩm T1là 80.836.000 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng*).

Ngoài ra, tháng 5 năm 2020, T còn nhờ chị T1 sử dụng thẻ sinh viên kiêm thẻ Ngân hàng Agribank và giấy chứng minh nhân dân mang tên chị T1 để vay cho T mượn số tiền 3.000.000 đồng tại một dịch vụ cho vay tiền tại 44 N, phường H2. Do đã biết mật khẩu của thẻ (*Trước đó, T đã sử dụng nhờ tài khoản và chị T1đã đưa mật khẩu, sau đó không thay đổi lại*) và có ý định trộm cắp tiền trong tài khoản ngân hàng của chị Tú, ngày 03 tháng 6 năm 2020, lợi dụng lúc chị T1đi học quân sự, T đã đến nơi cầm thẻ nói dối cho mượn thẻ để đi rút tiền cho chị T1nên chủ dịch vụ đưa thẻ cho T. Có được thẻ, T đến máy rút tiền tự động (*ATM*) rút số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và tiêu xài cá nhân hết.

Tại cơ quan Công an, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

*** Vật chứng thu giữ**: 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode BKS 92E1-530.18 và giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ sinh viên kiêm thẻ ngân hàng đều mang tên Lương Thị Cẩm T1(*Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L đã trả lại chi chị Tú*);

- 01 giấy biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Gold, 02 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu Ly đều có tên người cầm đồ là Lê Đức T.

*** Về dân sự:**

- Bị hại - chị Lương Thị Cẩm T1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 37.236.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Thanh P2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố Lê Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (*Một*) đến 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt từ 03 (*Ba*) đến 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (*Bốn*) năm đến 05 (*Năm*) năm. Về xử lý vật chứng: Đề nghị t2 tiếp tục quy trữ 03 giấy biên nhận cầm đồ.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin lỗi bị hại và gia đình, đã nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cở sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2020, tại địa bàn quận L, do muốn có tiền để tiêu xài và trả nợ, Lê Đức T liên tục dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt n1ều tài sản của chị Lương Thị Cẩm T1 có giá trị tổng cộng 80.836.000 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) và có hành vi trộm cắp số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) trong tài khoản ngân hàng của chị Lương Thị Cẩm Tú.

[2] Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và và tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 15 tháng 9 năm 2020, bị Tòa án nhân dân quận L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 (*Một*) năm. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội tại địa p2. Bị cáo đang là sinh viên, nhưng với bản tính ham chơi, đua đòi nên đã vay mượn n1ều nơi để tiêu xài, chơi game. Để tiếp tục có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối mượn xe của bạn gái là chị Lương Thị Cẩm

T1 để sử dụng, nhưng đã mang đi cầm cố. Sau khi bị chị T1 phát hiện, bị cáo liên tục nói dối chị T1cần tiền để trả tiền lãi cầm cố xe, nếu không sẽ bị thanh lý, để chị T1tin tưởng, tiếp tục giao nhiều tài sản khác cho bị cáo. Có được tài sản, bị cáo mang đi cầm cố và bán lấy tiền tiêu xài, rồi tiếp tục trộm cắp tiền trong tài khoản ngân hàng của chị T1. Khi sự việc bị chị T1 trình báo cơ quan Công an, gia đình bị cáo đã phải vay mượn tiền để chuộc lại xe môtô và điện thoại, nhưng bị cáo chỉ trả điện thoại lại cho chị T1, còn xe môtô thì bị cáo chỉ giả vờ trả rồi mượn lại để tiếp tục mang đi cầm cố. Muốn lấy được thêm tiền từ việc cầm cố xe, bị cáo đã nhờ bạn để nhờ người giả chị T1gọi điện thoại cho chủ tiệm cầm cố nói lấy thêm tiền. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[5] Quá trình tố tụng, bị cáo đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo, ân hận với lỗi lầm, xin lỗi bị hại và hứa không tiếp tục vi phạm pháp luật. Bị cáo có ông nội là người có công cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo. Riêng, bị cáo đã tác động gia đình chuộc lại điện thoại di động Iphone và trả lại cho chị Lương Thị Cẩm T1, sau khi chị T1đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Khắc phục hậu quả" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[6] Về trách n1ệm dân sự: Bị hại - chị Lương Thị Cẩm T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.00.000 đồng bị trộm cắp, giá trị của tài sản bị chiếm đoạt gồm: Máy tính xách tay trị giá 7.685.000 đồng và dây chuyền, lắc tay bằng vàng trị giá 14.551.000 đồng. Tổng cộng là 37.236.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án - anh Phạm Thanh P2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) nhận cầm cố xe. Hội đồng xét xử t2 buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho chị T1 và anh P2 theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode BKS 92E1-530.18 và giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ sinh viên kiêm thẻ ngân hàng đều

mang tên Lương Thị Cẩm T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L đã trả lại cho chị T1nên không đề cập giải quyết;

- 01 giấy biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Gold, 02 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu Ly đều có tên người cầm đồ là Lê Đức T, là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử t2 tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với tội "Trộm cắp tài sản", Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát do giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với anh Phạm Thanh P2 có hành vi cầm cố xe môtô hiệu Honda SH mode BKS 92E1-530.18, nhưng không biết đây là tài sản phạm tội mà có nên Cơ quan quận L xử phạt vi phạm hành chính đối với anh P2 về hành vi cầm cố không chính chủ là có căn cứ.

Đối với các tiệm cầm đồ Thiên Trường H1, Sáu Ly II và Sáu Ly: Không biết toàn bộ tài sản mà T cầm cố là những tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Ngoài ra, Lê Đức T còn nhờ chị T1dùng giấy tờ cá nhân của mình đến dịch vụ cầm đồ của anh Hoàng Văn T2 tại 44 N1, phường H2, quận L để mượn cho T 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Đây là quan hệ dân sự giữa T, chị T1và dịch vụ cầm đồ. Anh T2 không yêu cầu chị T1phải trả số tiền này.

Đối với anh Trần Đức H3 và chị Lê Nguyễn Hồng N1 không biết T cầm cố xe mà không có sự đồng ý của chị T1nên không có đủ cơ sở để xử lý hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 3.461.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn năm trăm đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- T2 bố bị cáo Lê Đức T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo T 03 (*Ba*) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- T2 bố bị cáo Lê Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo T 09 (*Chín*) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo T chấp hành hình phạt của hai tội là 03 (*Ba*) năm 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 10 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo T bồi thường cho chị Lương Thị Cẩm T1 số tiền 37.236.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*), bồi thường cho anh Phạm Thanh P2 số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.461.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng: T2 tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Gold và 02 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu Ly, Sáu Ly II đều có tên người cầm đồ là Lê Đức T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày t2 án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. quận L;
- Công an quận L;
- Chi cục THA. quận L;
- Trại giam Công an TP.Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.